

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-11-2019

V/v tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh S; nơi ở hiện nay: Thôn M, xã N, huyện T, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang Đ kết hôn với nhau vào năm 2013 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 482/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H. Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Quang L sinh ngày 16/4/2012. Theo quyết định trên, hai bên thỏa thuận anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận tự giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, chị thường xuyên đến thăm nom con, chị không đưa tiền hàng tháng để anh Đ nuôi dạy con nhưng chị thường xuyên mua sữa và quần áo cho con. Thời gian gần đây, anh Đ thường xuyên ngăn cản, ngăn cấm không cho chị thăm nom con. Anh Đ nhiều lần cản trở không cho chị thăm gặp và chăm sóc con. Chị đang làm công nhân giấy da tại Công ty TNHH P tại xã N, huyện T và cung cấp cho Tòa án bản sao kê số dư tài khoản ATM thể hiện thông tin rút lương qua tài khoản ATM của Ngân hàng VIB với mức thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng để chứng minh cho việc đủ điều kiện thu nhập chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị cung cấp giấy xác nhận cho thuê nhà cấp 4 với mức giá 800.000 đồng/tháng tại thôn M, xã N, huyện T, thành phố H để thể hiện chị có chỗ ở ổn định. Hiện nay con L đang học ở trường tiểu học xã P, thỉnh thoảng chị mới thăm nom con. Nay chị yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Quang Đ trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị T ly hôn năm 2018 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 482/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H. Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Quang L sinh ngày 16/4/2012. Theo quyết định trên thì anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Con ở với anh từ đó đến nay, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, anh vẫn nuôi dưỡng chăm sóc con được đảm bảo tốt về mọi mặt. Hàng ngày anh đưa đón con đi học tại trường mẫu giáo xã P và hiện nay con đang học lớp 2 tại trường tiểu học xã P, anh là người trực tiếp đóng học phí cho con và các khoản thu khác của nhà trường, anh nuôi dưỡng con đảm bảo về mọi mặt. Anh có chỗ ăn ở ổn định cùng với gia đình và hiện anh đang làm việc tại Nhà may H ở thôn N, xã T, huyện T, thành phố H với mức thu nhập bình quân 7.000.000

đồng/tháng, ngoài ra anh cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của Nhà may H và bản sao sổ lĩnh tiền trợ cấp của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T cho đối tượng ảnh hưởng chất độc da cam mỗi tháng là 909.000 đồng cấp cho anh hàng tháng thể hiện thu nhập ổn định, có thời gian, khả năng đưa đón, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T quê ở tỉnh S, hiện làm công nhân tại Công ty TNHH P tại xã N, huyện T, thành phố H và phải thuê nhà trọ để ở. Chị T không có điều kiện và thời gian chăm sóc nuôi dạy con. Nay chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Biên bản xác minh ngày 25/9/2019 tại Trường Tiểu học xã P thể hiện: Cháu Nguyễn Quang L hiện là học sinh lớp 2C của Trường Tiểu học xã P, từ khi chị T và anh Đ ly hôn, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu L, trực tiếp đưa đón cháu L đi học và đóng học phí cho cháu cùng tất cả các khoản thu khác của nhà trường. Quá trình học tập của L tại nhà trường có kết quả học tập tốt và phát triển bình thường cả về thể chất và tâm sinh lý. Anh Đ nuôi dạy và chăm sóc con tốt, đảm bảo cho con phát triển bình thường và anh Đ là người đề xuất với nhà trường không cho cháu L tiếp xúc với người lạ.

Biên bản xác minh ngày 28/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P thể hiện: Chị T hiện đang tạm trú tại xã N và làm việc tại Công ty TNHH P. Sau khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có hành vi ngăn cản chị T thăm nom con chung. Anh Đ làm thợ may có thu nhập bình quân từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng và có nhà cửa ổn định, hiện anh Đ và cháu L cùng ở với mẹ đẻ và em gái anh Đ. Anh Đ hiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng do thuộc diện ảnh hưởng chất độc da cam mặc dù anh có sức khỏe và khả năng nhận thức hoàn toàn bình thường.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con Nguyễn Quang L sau khi ly hôn; anh Nguyễn Quang Đ tiếp tục trực tiếp nuôi con Nguyễn Quang L cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thẩm nom con mà không ai được cản trở; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, để chị T được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Quang L: Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố H và Trường tiểu học xã P thể hiện: Sau khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quang L sinh ngày 16/4/2012, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh Đ nuôi con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con như ăn mặc, chỗ ở và học tập. Anh Đ làm việc có thu nhập, có chỗ ăn ở ổn định, có thời gian chăm sóc con. Cháu Nguyễn Quang L đang sinh sống ổn định cùng với anh Đ và có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Đ. Mặt khác, chị T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH P tại xã N, huyện T và phải thuê nhà để ở, điều kiện và thời gian chăm sóc con của anh Đ đảm bảo quyền lợi cho con tốt hơn chị T. Do vậy, nên để anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con Nguyễn Quang L là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con nên không chấp nhận yêu cầu của chị T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Quang L sinh ngày 16/4/2012 sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Quang Đ tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Quang L cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Quang Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Hoàng Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Hoàng Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Quang L của anh Nguyễn Quang Đ. Trường hợp chị Hoàng Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Quang L của anh Nguyễn Quang Đ thì anh Nguyễn Quang Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Hoàng Thị T.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Quang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000582 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân

